Danh mục thuốc Vị thuốc y học cổ truyền/dược liệu trúng thầu do BHXH các tỉnh báo cáo, đề nghị đăng tải đợt 6 (T11-12 năm 2022) theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các địa phương

STT	Tên hoạt chất	Đường dùng, dạng BC	Nồng độ/ hàm lượng/ nguồn gốc	Tên thuốc	G ĐK LH hoặc GP NK	GĐKLH hoặc GPNK CHUẨN	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) tính trên ĐVT nhỏ nhất	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm TC KT	Mã gói thầu	Mã gói_chuẩn hóa (trong đó: G4 là dược liệu, G5 là Vị thuốc)	Tên đơn vị (SYT/Trung tâm/CSK	Tỉnh, TP	SốQĐcôngbốKQLCNT	Ngày KQLCNT bắt đầu có hiệu lực
1	Kê đầu ngựa (Thương nhĩ tử)			Kê đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	VCT-00190-22	VCT-00190-22	Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Túi 1 - 5 kg	Gram	38.000	93	3.551.100	Cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G3	G5	SYT	Lạng Sơn	2253/QĐ-SYT	17102022
2	Bách hợp	Uống		Bách hợp	10658/BYT-YDCT	10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Vảy thân hành	Gram	18.000	326	5.859.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
3	Bồ công anh	Uống		Bồ công anh			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Lá	Gram	21.000	139	2.908.500	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
4	Cà gai leo	Uống		Cà gai leo			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Toàn cây trừ rễ	Gram	25.000	118	2.950.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
5	Cát căn	Uống		Cát căn			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ	Gram	5.000	142	708.750	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
6	Cát cánh	Uống		Cát cánh	10658/BYT-YDCT	10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ	Gram	4.000	344	1.377.600	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
7	Chè dây	Uống		Chè dây			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Lá	Gram	5.000	121	603.750	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
8	Chỉ xác	Uống		Chỉ xác			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Quả	Gram	4.000	141	562.800	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
9	Cỏ ngọt	Uống		Cỏ ngọt			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Lá	Gram	20.000	167	3.339.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
10	Cối xay	Uống		Cối xay			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Phần trên mặt đất	Gram	2.000	41	82.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
11	Cốt toái bổ	Uống		Cốt toái bổ			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Thân rễ	Gram	35.000	190	6.650.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
12	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Cụm hoa	Gram	20.000	699	13.986.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
13	Đại hoàng	Uống		Đại hoàng	7140/BYT-YDCT	7140/BYT-YDCT	công nghiệp Sabali, quận Qiaocheng, thành phố Bozhou, tỉnh An Huy	Trung Quốc	Thân rễ	Gram	1.000	177	177.450	42G5-DLVN	N3	G5	G5	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022

14	Dây đau xương	Uống		Dây đau xương			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân	Gram	45.000	114	5.150.250	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
15	Giảo cổ lam	Uống		Giảo cổ lam			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Toàn cây trừ rễ	Gram	16.000	159	2.536.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
16	Hà diệp (Lá sen)	Uống		Hà diệp (Lá sen)			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Lá	Gram	25.000	93	2.336.250	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
17	Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (sống)	Uống		Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (sống)	10658/BYT-YDCT	10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ	Gram	10.000	389	3.885.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
18	Hoạt thạch (Bột talc)	Uống		Hoạt thạch (Bột talc)			Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Khoáng vật	Gram	15.000	74	1.102.500	42G5-DLVN	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
19	Hương phụ	Uống		Hương phụ			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân rễ	Gram	7.000	122	852.600	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
20	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm	10658/BYT-YDCT	10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ	Gram	8.000	189	1.512.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
21	Huyết giác	Uống		Huyết giác			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Lõi gỗ	Gram	51.000	204	10.404.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
22	Hy thiêm	Uống		Hy thiêm			Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Phần trên mặt đất	Gram	10.000	100	997.500	42G5-DLVN	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
23	Ích mẫu	Uống		Ích mẫu			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân, lá	Gram	3.000	111	333.900	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
24	ích trí nhân	Uống		ích trí nhân	7140/BYT-YDCT	7140/BYT-YDCT	công nghiệp Sabali, quận Qiaocheng, thành phố Bozhou, tỉnh An Huy	Trung Quốc	Quả	Gram	4.000	425	1.701.000	42G5-DLVN	N3	G5	G5	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
25	Kê huyết đằng	Uống		Kê huyết đằng			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân	Gram	48.000	105	5.040.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
26	Kê nội kim	Uống		Kê nội kim			Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Màng trong mề gà	Gram	3.000	181	541.800	42G5-DLVN	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
27	Khương hoàng	Uống		Khương hoàng			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Thân rễ	Gram	53.000	147	7.764.500	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
28	Kinh giới	Uống		Kinh giới			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Phần trên mặt đất	Gram	12.000	156	1.877.400	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022

29	Liên nhục	Uống		Liên nhục			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Hạt	Gram	60.000	218	13.104.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
30	Long nhãn	Uống		Long nhãn			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Củ quả	Gram	57.000	404	23.042.250	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
31	Mạch môn	Uống		Mạch môn	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Rễ	Gram	31.000	530	16.430.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
32	Mạch nha	Uống		Mạch nha			Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam	Việt Nam	hạt đã nảy mầm	Gram	2.000	93	186.900	42G5-DLVN	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
33	Ngải cứu	Uống		Ngải cứu			Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam	Việt Nam	Toàn cây trừ rễ	Gram	36.000	114	4.120.200	42G5-DLVN	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
34	Ngũ gia Bì chân chim	Uống		Ngũ gia Bì chân chim			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Vỏ thân, vỏ cành	Gram	53.000	132	7.011.900	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
35	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	6607	Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Rễ	Gram	67.000	319	21.339.500	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
36	Nhân trần	Uống		Nhân trần			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Phần trên mặt đất	Gram	25.000	92	2.310.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
37	Ô dược	Uống		Ô dược			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ	Gram	2.000	177	354.900	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
38	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Uống		Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	7140/BYT-YDCT	7140/BYT-YDCT	công nghiệp Sabali, quận Qiaocheng, thành phố Bozhou, tỉnh An Huy	Trung Quốc	Quả	Gram	1.000	184	183.750	42G5-DLVN	N3	G5	G5	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
39	Quế chi	Uống		Quế chi			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Cành	Gram	63.000	100	6.284.250	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
40	Sa nhân	Uống		Sa nhân			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Hạt	Gram	2.000	614	1.228.500	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
41	Sài đất	Uống		Sài đất			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Toàn cây trừ rễ	Gram	18.000	111	2.003.400	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
42	Sài hồ	Uống		Sài hồ	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Rễ	Gram	3.000	637	1.909.500	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
43	Sơn thù	Uống		Sơn thù	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Quả	Gram	1.000	448	448.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022

44	Sơn tra	Uống		Sơn tra			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Quả	Gram	10.000	105	1.050.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
45	Tam thất	Uống		Tam thất	10658/BYT-YDCT	10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ củ	Gram	300.000	2.711	813.330.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
46	Tần giao	Uống		Tần giao	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Rễ	Gram	28.000	1.007	28.182.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
47	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Vỏ rễ	Gram	3.000	179	535.500	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
48	Tang chi	Uống		Tang chi			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Cành	Gram	5.000	63	315.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
49	Tang ký sinh	Uống		Tang ký sinh			CTCP DL Trường Xuân	Việt Nam	Thân cành,lá	Gram	55.000	145	7.969.500	47G5-Trường Xuân	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
50	Tế tân	Uống		Tế tân	T-YDCT 10658/BYT-YDCT	T-YDCT 10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ và thân rễ	Gram	10.000	696	6.961.500	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
51	Thạch hộc	Uống		Thạch hộc	7140/BYT-YDCT	7140/BYT-YDCT	công nghiệp Sabali, quận Qiaocheng, thành phố Bozhou, tỉnh An Huy	Trung Quốc	Toàn cây trừ rễ	Gram	30.000	357	10.710.000	42G5-DLVN	N3	G5	G5	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
52	Thiên hoa phấn	Uống		Thiên hoa phấn	7140/BYT-YDCT	7140/BYT-YDCT	công nghiệp Sabali, quận Qiaocheng, thành phố Bozhou, tỉnh An Huy	Trung Quốc	Rễ	Gram	6.000	271	1.625.400	42G5-DLVN	N3	G5	G5	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
53	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân rễ	Gram	13.000	97	1.255.800	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
54	Thổ phục linh	Uống		Thổ phục linh			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân rễ	Gram	54.000	158	8.505.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
55	Tô diệp/ Tía tô	Uống		Tô diệp/ Tía tô			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Lá	Gram	12.000	146	1.752.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
56	Tô mộc	Uống		Tô mộc			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Lõi Gỗ	Gram	103.000	84	8.652.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022

57	Trạch tả	Uống		Trạch tả			Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Thân rễ	Gram	4.000	173	690.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
58	Trần bì	Uống		Trần bì			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Vỏ quả	Gram	34.000	108	3.677.100	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
59	Tỳ giải	Uống		Tỳ giải			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Thân rễ	Gram	5.000	134	672.000	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
60	Xuyên bối mẫu	Uống		Xuyên bối mẫu	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	6607; 10681;10861/BYT-YDCT	Công ty cổ phần dược liệu Ninh Hiệp	Việt Nam	Thân hành	Gram	3.000	2.080	6.240.000	77G5-LD Ninh Hiệp T.W.1	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
61	Phòng phong	Uống		Phòng phong	T-YDCT 10658/BYT-YDCT	T-YDCT 10658/BYT-YDCT	Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Rễ	Gram	23.000	1.523	35.017.500	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022
62	Diệp hạ châu	Uống		Diệp hạ châu			Công ty CPDP Bắc Ninh	Việt Nam	Toàn cây	Gam	25.000	112	2.808.750	19G5-Bắc Ninh	N3	G5	G5	viện Trung ương Thái	Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022